

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6588** /BNN-KH

V/v: Giao phân bổ kế hoạch vốn
đầu tư phát triển năm 2011.

Hà Nội, ngày **07** tháng 12 năm 2010

Kính gửi: - Các Tổng cục: Thủy lợi, Lâm nghiệp, Thủy sản;
- Các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Thú y,
Quản lý chất lượng NLS&TS;
- Các Vụ: Khoa học CNMT, Tổ chức cán bộ;
- Các Ban: Quản lý trung ương các dự án thủy lợi, Ban QL
các dự án NN, Ban QL các dự án LN, QLĐT&XD TL 9;

Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 2145/QĐ-TTg ngày 23/11/2010 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quyết định số 288/QĐ-BKH ngày 24/11/2009 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm 2011.

Vụ Kế hoạch đã trình Bộ trưởng phương án phân giao nguồn vốn để các đơn vị phân bổ cho từng dự án đầu tư năm 2011 (như phụ lục kèm theo).

Thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng tại cuộc họp giao ban tháng 11 (ngày 03/12/2010), đề nghị các đơn vị phân bổ vốn cho các dự án. Vốn phân bổ cần ưu tiên cho các dự án hoàn thành, cấp bách, các dự án đang triển khai, hạn chế khởi công mới.

Kế hoạch vốn phân bổ theo mẫu biểu số 01, thông tư số 209/2009/TT-BTC ngày 5/11/2009 của Bộ Tài chính .

Văn bản phân bổ gửi về Vụ Kế hoạch trước ngày 10/12/2010 để tổng hợp báo cáo Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Vụ KH, TC;
- CV theo dõi đầu tư;
- Lưu VT, KH.

**TH. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG TIỀN KẾ HOẠCH**



Trang Hiếu Dũng



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2011

(Phân vốn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý)

(Kế hoạch được giao) 6588 /BNN-KH ngày 07 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Danh mục	Kế hoạch được giao (đơn vị: triệu đồng)			Đơn vị chủ trì phân bổ
		Tổng	Trong nước	Ngoài nước	
	TỔNG SỐ	3.672.300	1.519.300	2.153.000	
I	Thực hiện dự án	3.245.300	1.092.300	2.153.000	
	Trong đó:				
	- Vốn đối ứng:	390.000	390.000		
	Dự án nhóm A	376.000	376.000		
	Dự án nhóm B	14.000	14.000		
1	Thủy lợi	1.887.571	637.571	1.250.000	
a	Thu hồi vốn ứng trước	195.571	195.571		
	- Thu hồi theo VB số 581/TTg-KTTH ngày 22/4/08	10.571	10.571		Vụ Kế hoạch
	- Thu hồi theo VB số 668/TTg-KTTH ngày 01/6/07	119.000	119.000		Vụ Kế hoạch
	- Dự án muối Quán Thè (VB số 1244/TTg-KTTH ngày 06/9/07)	60.000	60.000		Vụ Kế hoạch
	- Tiêu ứng TP Thanh Hoá (VB số 1087/TTg-KTTH ngày 09/8/07)	6.000	6.000		Vụ Kế hoạch
b	Dự án ODA:	1.612.000	362.000	1.250.000	
	Dự án nhóm A	1.568.000	358.000	1.210.000	
	+ Dự án ADB3, WB3, WB4, Phan Rí-Phan Thiết, ADB4, Nam Sông Chu-Bắc sông Mã, ADB5	978.000	218.000	760.000	Ban CPO thủy lợi
	+ Dự án Phước Hoà	590.000	140.000	450.000	Ban QLĐT & XD TL 9
	Dự án nhóm B (chống lũ hạ du sông Sài Gòn)	44.000	4.000	40.000	Ban QLĐT & XD TL 9
c	Dự án vốn trong nước	80.000	80.000		
	Dự án nhóm A (Dự án chống ngập ứng TP Hồ Chí Minh)	80.000	80.000		Cục QLXDCT
2	Nông nghiệp	701.000	48.000	653.000	
	Dự án ODA:	661.000	8.000	653.000	Ban QLDANN
	Dự án nhóm A (Khắc phục hậu quả thiên tai, Phát triển TH NT miền Trung, OSEAP)	625.000	5.000	620.000	

TT	Danh mục	Kế hoạch được giao (đơn vị: triệu đồng)			Đơn vị chủ trì phân bổ
		Tổng	Trong nước	Ngoài nước	
	Dự án nhóm B (Dự án quan sát tàu cá..)	36.000	3.000	33.000	
	Dự án vốn trong nước	40.000	40.000		
	Các dự án Thú y	25.000	25.000		Cục Thú y
	Các dự án BVTV	15.000	15.000		Cục Bảo vệ thực vật
3	Lâm nghiệp	286.000	36.000	250.000	Ban QLDALN
	Dự án ODA:	270.000	20.000	250.000	Ban QLDALN
	Dự án nhóm A (Dự án WB3, ADB2/FLITCH)	213.000	13.000	200.000	
	Dự án nhóm B (Dự án KFW7, JICA2))	57.000	7.000	50.000	
	Dự án vốn trong nước	16.000	16.000		Tổng cục Lâm nghiệp
4	Thủy sản	20.429	20.429		
	Dự án vốn trong nước	20.429	20.429		Tổng cục Thủy sản
5	Khoa học công nghệ và công nghệ thông tin	60.000	60.000		Vụ Kế hoạch chủ trì , phối hợp với Vụ KHCNMT
6	Giáo dục đào tạo	90.000	90.000		Vụ Kế hoạch chủ trì , phối hợp với Vụ TCCB
7	Các ngành khác	200.300	200.300		Vụ kế hoạch
	Giao thông vận tải	105.000	105.000		
	Kho tàng	28.000	28.000		
	Cấp nước sạch	12.000	12.000		
	Tài nguyên, môi trường	10.000	10.000		
	Y tế	10.000	10.000		
	Thể dục, thể thao	20.000	20.000		
	Quản lý nhà nước	15.300	15.300		
II	Vốn đầu tư theo các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể	318.000	318.000		
1	Chương trình giống cây trồng vật nuôi và giống cây lâm nghiệp, thủy sản	195.000	195.000		
	- Chương trình giống thủy sản	88.300	88.300		Tổng cục Thủy sản
	- Chương trình giống cây nông nghiệp	40.000	40.000		Cục Trồng trọt
	- Chương trình giống vật nuôi	60.000	60.000		Cục Chăn nuôi
	- Chương trình giống cây lâm nghiệp	6.700	6.700		Tổng cục Lâm nghiệp
2	Chương trình tránh trú bão	85.000	85.000		Tổng cục Thủy sản
3	Chương trình phát triển rừng và bảo vệ rừng bền vững	8.000	8.000		Tổng cục Lâm nghiệp
4	Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp	30.000	30.000		Vụ KHCNMT chủ trì phối hợp với Vụ KH
III	Bổ sung dự trữ quốc gia	71.000	71.000		Vụ Kế hoạch phối hợp các Cục
IV	Vốn chuẩn bị đầu tư	38.000	38.000		Vụ Kế hoạch phối hợp các Tổng cục, Cục